

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1612* /BTC-CT
V/v lấy ý kiến dự thảo Thông
tư Hướng dẫn việc kê khai,
khấu trừ, nộp thuế, quyết toán
thuế trên thị trường tài sản
mã hóa.

Hà Nội, ngày *09* tháng *02* năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... <i>5</i> ...
	Ngày: <i>11.02.2026</i>

Ngày 09/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, trong đó tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP quy định: “9. Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam”. Đồng thời tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP quy định: “Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa” tại Nghị quyết này”.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa, đồng thời gửi về hòm thư ntmtam@gdt.gov.vn và ntkhoa02@gdt.gov.vn; điện thoại: 024-39712730, máy lẻ 4065 trước ngày *13.02.2026*.

Trân trọng sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị. / *k*

Nơi nhận: *k*

- Như trên;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Công TTĐT Cục Thuế;
- Thuế tỉnh, thành phố (để TGYK);
- Các đơn vị trong BTC (UBCKNN, CST, PC, VP) (để TGYK);
- Các đơn vị trong Cục Thuế (PC, NVT, CDS, TMDT) (để TGYK);
- Lưu: VT, CT (VT, CS).

10

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên
thị trường tài sản mã hóa**

(Kèm theo công văn số /BTC-CT ngày / /2026 của Bộ Tài chính)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý.

Thời gian qua, việc đưa tài sản mã hóa vào quản lý, thúc đẩy sự phát triển tài sản số lành mạnh và hiệu quả nhằm kiến tạo cho việc phát triển kinh tế số là một trong những nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và Chính phủ đặc biệt chú trọng. Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam được ban hành đã hiện thực hóa chủ trương về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP có hiệu lực từ ngày 09/9/2025 đã tạo nên hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh tế về tài sản mã hóa trong giai đoạn thí điểm. Việc thí điểm thị trường tài sản mã hóa là bước đi chiến lược nhằm quản lý có kiểm soát dòng vốn số, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư, đồng thời thể hiện chủ trương của Chính phủ về quản lý nhà nước đối với tài sản mã hóa theo hướng vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, vừa đảm bảo an ninh tài chính, an toàn hệ thống tiền tệ và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý thu ngân sách nhà nước. Đây là định hướng chính trị quan trọng, yêu cầu các bộ ngành cần hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo vận hành thị trường thí điểm, trong đó có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa.

Về mặt pháp lý, tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam quy định: “9. Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam”. Đồng thời tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP giao Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Nghị quyết này.

Nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ nêu trên, tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 3902/QĐ-BTC ngày 20/11/2025 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 đã giao Cục Thuế chủ trì

phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ ban hành Thông tư hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa.

2. Cơ sở thực tiễn.

Hệ thống pháp luật hiện hành về quản lý thuế (Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH15, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế cùng các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế) đã quy định cụ thể việc đăng ký, kê khai, quyết toán, nộp thuế, bao quát đối với tất cả người nộp thuế, bao gồm cả người nộp thuế có hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng, giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, xuất phát từ sự khác nhau về bản chất, tài sản mã hóa trong giai đoạn thí điểm có cơ chế vận hành không hoàn toàn tương đồng như chứng khoán. Dù cùng được ghi nhận là tài sản nhưng nếu như chứng khoán (cổ phiếu) đại diện cho quyền sở hữu một phần vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp và phản ánh giá trị của một công ty đang hoạt động thì tài sản mã hóa là một loại tài sản số được tạo ra bởi công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự. Không giống như cổ phiếu, việc mua tài sản mã hóa không đi kèm với quyền sở hữu cổ phần của một công ty. Bên cạnh đó, trong giai đoạn thí điểm, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa sẽ được tổ chức và vận hành theo mô hình tập trung, tích hợp chức năng tương tự như Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký và công ty chứng khoán thay vì phân chia hoạt động theo chức năng như hoạt động chứng khoán. Theo đó, quản lý thuế đối với tài sản mã hóa trên thị trường thí điểm sẽ có những khác biệt nhất định so với quản lý thuế đối với chứng khoán hiện hành.

Từ cơ sở căn cứ chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Thông tư hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa trong bối cảnh hiện tại là cần thiết và có cơ sở thực hiện, đảm bảo yêu cầu quản lý, vận hành thị trường thí điểm và yêu cầu về quản lý thuế đối với thu nhập phát sinh từ kinh doanh, chuyển nhượng tài sản mã hóa.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích và quan điểm ban hành Thông tư

Việc ban hành Thông tư hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa bảo đảm:

- Xây dựng dự thảo Thông tư trên cơ sở: (1) quy định của pháp luật quản lý thuế đối với hoạt động chứng khoán tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; (2) quy định về chính sách thuế tại Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa.

- Chuẩn hoá mẫu biểu hồ sơ, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; giảm chi phí, thời gian của người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế để thực hiện mục tiêu của cải cách thủ tục hành chính.

- Nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện.

2. Căn cứ ban hành Thông tư

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;
- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP;
- Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA THÔNG TƯ

Thông tư này hướng dẫn về kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được bố cục gồm 06 Điều, 01 phụ lục và 04 biểu mẫu, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chuyển nhượng tài sản mã hóa

Điều 4. Trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chuyển nhượng tài sản mã hóa

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ

Điều 6. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại dự thảo Thông tư (Điều 1 và Điều 2)

- Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn về kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.
- Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân

liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2.2. Về kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chuyển nhượng tài sản mã hóa (Điều 3)

Trên cơ sở áp dụng chính sách thuế, quản lý thuế như đối với chứng khoán hiện hành thì các hoạt động kinh tế liên quan đến tài sản mã hóa trên thị trường thí điểm có thể chia làm hai loại:

(1) Hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa: bao gồm các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP (tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tự doanh tài sản mã hóa, lưu ký tài sản mã hóa, cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa) và các hoạt động khác có tính chất tương tự như hoạt động kinh doanh chứng khoán có thể phát sinh trên thị trường thí điểm. Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, các hoạt động này chỉ được thực hiện bởi tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa là doanh nghiệp Việt Nam.

(2) Hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa: về cơ bản tương tự như hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài) và nhà đầu tư trong nước (cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam) đều có thể tham gia chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường thí điểm.

- Về chính sách thuế: Hiện nay Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa (do Cục CST chủ trì xây dựng) có quy định cụ thể về chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với từng đối tượng người nộp thuế và từng loại hoạt động kinh tế liên quan đến tài sản mã hóa trên thị trường thí điểm. Do đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và các nhà đầu tư tham gia giao dịch, chuyển nhượng tài sản mã hóa sẽ thực hiện tính thuế quy định tại Thông tư quy định về chính sách thuế đối với chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa.

- Về quản lý thuế, theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, doanh nghiệp có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có mô hình và cách thức vận hành tương tự như Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán và trung tâm lưu ký; nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa tương tự như hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Do đó về cơ bản, các đối tượng này kê khai, nộp thuế như doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và thực hiện khai hồ sơ khai thuế theo thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và mẫu biểu hồ sơ quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, không phát sinh thêm thủ tục hành chính và mẫu tờ khai mới đối với hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng tài sản mã hóa. Theo đó, mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tại Mục II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tại Mục VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Đối với người nộp thuế là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú có hoạt động giao dịch, chuyển nhượng tài sản mã hóa thì sẽ do tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khấu trừ, nộp thuế thay.

Trên cơ sở đó, Điều 3 dự thảo Thông tư được quy định như sau:

“Điều 3. *Kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chuyển nhượng tài sản mã hóa*

1. Tổ chức có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP (sau đây gọi là Tổ chức cung cấp dịch vụ), tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế như sau:

a) Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng

Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Mục 2 – Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế tại Mục II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC.

b) Khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 7 – Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC.

Tổ chức cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp Việt Nam phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý để nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP. Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp được trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán thuế năm. Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc

năm dương lịch hoặc năm tài chính, Tổ chức cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp Việt Nam phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.

c) Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Chương IV, chương VI Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức nước ngoài), cá nhân (bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.”

2.3. Về trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của Tổ chức cung cấp dịch vụ (Điều 4)

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP thì tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa là doanh nghiệp thực hiện, cung cấp một hoặc một số dịch vụ, hoạt động sau: (1) tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa; (2) tự doanh tài sản mã hóa; (3) lưu ký tài sản mã hóa; (4) cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa.

Về cơ bản, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản mã hóa tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP tương đồng với các hoạt động kinh tế liên quan đến chứng khoán. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Chứng khoán thì các chủ thể khác nhau sẽ thực hiện các nghiệp vụ kinh tế khác nhau, ví dụ: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện nghiệp vụ lưu ký chứng khoán, các công ty chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán,... Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép sẽ thực hiện các nghiệp vụ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP. Theo đó, có thể hiểu tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trên thị trường thí điểm sẽ tích hợp chức năng như sàn giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán và công ty chứng khoán. Trên cơ sở đó, tại dự thảo Thông tư thiết kế quy định về nghĩa vụ khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

- Tại dự thảo Thông tư Quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa có quy định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được xác định theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần; thuế thu nhập cá nhân đối với nhà đầu tư cá nhân (không phân biệt cá nhân cư trú hay không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được xác định theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần.

- Ngoài ra liên quan đến nội dung cơ quan thuế quản lý tổ chức cung cấp

dịch vụ tài sản mã hóa, tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa, các quy định này có tính chất đặc thù trong thời hạn 05 năm. Vì vậy, để đảm bảo công tác quản lý thuế đối với thị trường thí điểm tài sản mã hóa được triển khai tập trung, phù hợp, thuận lợi và để chủ động trong các tình huống phát sinh có thể xảy ra trong giai đoạn thí điểm, dự thảo Thông tư quy định cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa là Chi cục Thuế Thương mại điện tử. (Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, dự kiến tối đa 05 tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa sẽ được lựa chọn để hoạt động trên thị trường thí điểm tài sản mã hóa).

Căn cứ các nội dung trên, dự thảo Thông tư có đề xuất trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đối với các giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài và cá nhân.

Đối với thời hạn kê khai, nộp số thuế đã khấu trừ, dự thảo Thông tư quy định tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ theo tháng do số lượng giao dịch, chuyển nhượng tài sản mã hóa nhiều, tốc độ giao dịch nhanh kéo theo tổng giá trị giao dịch, doanh thu chuyển nhượng lớn, cần được kê khai theo tháng để kịp thời quản lý nguồn thu. Quy định này tương tự như thời hạn kê khai thay áp dụng cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đang được thực hiện ổn định theo Nghị định số 117/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân.

Ngoài ra dự thảo Thông tư được thiết kế kèm theo 04 mẫu biểu: Mẫu số 01/TSMH, Mẫu số 01-1/BK-TSMH, Mẫu số 01/BKNT-TSMH và Mẫu số 01/CTKT-TSMH nhằm đáp ứng yêu cầu kê khai và quản lý thuế.

Nội dung cụ thể được thể hiện tại Điều 4 dự thảo Thông tư như sau:

“Điều 4. Trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của Tổ chức cung cấp dịch vụ

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà tổ chức nước ngoài thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ; khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà cá nhân thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ

a) Thời điểm thực hiện khấu trừ: Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài và cá nhân tại thời điểm xác nhận giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thành công.

b) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ 0,1 phần trăm (%) trên doanh thu chuyển nhượng từng lần đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài. Số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ 0,1 phần trăm (%) trên doanh thu chuyển nhượng từng lần đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân.

c) Doanh thu của mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thực hiện theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-BTC hướng dẫn thực hiện chính sách thuế trên thị trường tài sản mã hóa.

3. kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ theo tháng.

b) Hồ sơ kê khai số thuế đã khấu trừ gồm:

b.1) Tờ khai khấu trừ thuế đối với tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01/TSMH ban hành kèm theo Thông tư này.

b.2) Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01-1/BK-TSMH ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế theo Mẫu số 01/BKNT-TSMH kèm theo Thông tư này gửi đến cơ quan thuế quản lý sau khi hoàn thành nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

d) Hình thức, thời hạn nộp hồ sơ kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Thời hạn lập, gửi Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế cùng với thời hạn nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp Tổ chức cung cấp dịch vụ là Chi cục Thuế Thương mại điện tử."

2.4. Về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa (Điều 5)

Quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được thiết kế tại Điều 5 dự thảo Thông tư trên cơ sở đảm bảo hai yêu cầu sau:

- Phù hợp với quy định của pháp luật quản lý thuế về nghĩa vụ khấu trừ, khai nộp thay của tổ chức thực hiện khấu trừ thuế.

- Xây dựng các nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và trao đổi thông tin của Diễn đàn toàn cầu theo các tiêu chuẩn quốc tế tại tài liệu hướng dẫn đảm bảo minh bạch thuế đối với tài sản mã hóa: Hướng dẫn từng bước để hiểu và thực hiện CARF (Quy định quốc tế về báo cáo thuế áp dụng cho tiền điện tử) và Quy tắc mẫu của CARF.

Trong bối cảnh Việt Nam thực hiện thí điểm thị trường tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP với thời hạn 5 năm, đồng thời có lộ trình cam kết tham gia CARF giai đoạn 2027–2028, việc đặt ra nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ theo CARF trước hết là thu thập, lưu trữ và chuẩn hóa dữ liệu giao dịch theo cấu trúc phù hợp, bảo đảm dữ liệu có thể được tổng hợp và chuyển đổi phục vụ báo cáo và trao đổi thông tin khi cơ quan thuế triển khai cơ chế trao đổi tự động.

Bên cạnh đó, theo tài liệu hướng dẫn của OECD, CARF xác định yêu cầu thu thập thông tin giao dịch tài sản mã hóa trên cơ sở từng giao dịch phát sinh, gắn với từng người sử dụng dịch vụ, và được tổ chức, hệ thống hóa để phục vụ công tác quản lý thuế và trao đổi thông tin trong tương lai.

Trên cơ sở đó, các yêu cầu đối với CARF được thể hiện tại một số nội dung tại Điều 5 dự thảo Thông tư và được cụ thể hóa tại các trường thông tin theo mẫu biểu kèm theo dự thảo Thông tư.

Theo đó, Điều 5 dự thảo Thông tư được thiết kế như sau:

“Điều 5. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ

1. *Thực hiện khấu trừ thuế, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp số thuế đã khấu trừ chính xác, đầy đủ theo thông tin cung cấp của tổ chức nước ngoài và cá nhân theo quy định của pháp luật quản lý thuế; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.*

2. *Thực hiện quản lý tài khoản của các nhà đầu tư; lưu giữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch, chuyển nhượng tài sản mã hóa phát sinh theo từng giao dịch, thông tin và tài liệu liên quan đến việc xác định số thuế phải khấu trừ, số thuế đã khấu trừ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.*

3. *Cấp chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa theo Mẫu số 01/CTKT-TSMH ban hành kèm theo Thông tư này theo năm bằng phương thức điện tử cho người nộp thuế.*

4. *Tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống công nghệ thông tin và quản lý dữ liệu giao dịch tài sản mã hóa bảo đảm khả năng trích xuất, có khả năng tổng hợp theo năm và chuyển đổi dữ liệu theo định dạng phù hợp với hệ thống quản lý của cơ quan thuế.*

5. *Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”*

2.5. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

- Về hiệu lực thi hành:

Tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Thông tư quy định hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và được thực hiện thí điểm theo thời gian thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

- Về tổ chức thực hiện:

Tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Thông tư quy định trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị người nộp thuế phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời.

3. Về thủ tục hành chính và nguồn lực, tài chính thực hiện Thông tư

a) Tại dự thảo Thông tư quy định bốn (04) mẫu biểu liên quan đến nghĩa vụ khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, bao gồm:

- Mẫu số 01/TSMH: Tờ khai khấu trừ thuế đối với tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

- Mẫu số 01-1/BK-TSMH: Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

- Mẫu số 01/BKNT-TSMH: Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế;

- Mẫu số 01/CTKT-TSMH: Chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa.

Trong bốn mẫu biểu nêu trên có ba mẫu là hồ sơ kê khai thuế, đối tượng thực hiện là tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chỉ phục vụ cho mục đích khai thay, nộp thay số thuế của các nhà đầu tư tham gia giao dịch tài sản mã hóa thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, do đó chỉ phát sinh một (01) thủ tục hành chính (TTHC). Mẫu số 01/CTKT-TSMH là mẫu biểu mà tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa cấp cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư tự thực hiện quyết toán thuế hoặc thực hiện thủ tục hoàn thuế. Mẫu biểu này thuộc TTHC về quyết toán thuế thu nhập cá nhân, hoàn thuế, không phát sinh thủ tục mới.

Việc ban hành TTHC nêu trên bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quy định TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật và cần thiết để kê khai, nộp thuế. Ngoài ra, tại dự thảo Thông tư quy định người nộp thuế thực hiện TTHC qua hình thức nộp hồ sơ điện tử, do đó đã đảm bảo việc đơn giản hóa TTHC.

Sau khi Thông tư được ký ban hành, Bộ Tài chính sẽ rà soát và dự thảo trình Bộ ban hành Quyết định công TTHC bảo đảm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định.

b) Dự thảo thông tư ban hành kèm theo 04 mẫu biểu để phù hợp với

nhiệm vụ quản lý thuế đối với tài sản mã hóa trên thị trường thí điểm, Bộ Tài chính dự kiến sử dụng nguồn nhân lực, hệ thống sẵn có của cơ quan thuế.

Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì người nộp thuế có trách nhiệm tự tính, tự kê khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm về số thuế phải nộp. Ngoài ra, các nội dung quy định tại dự thảo Thông tư là nội dung quy định đối với chứng khoán đang thực hiện ổn định hiện hành.

Vì vậy, Bộ Tài chính không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính để triển khai thực hiện Thông tư./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số:/...../TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo
Ngày 06/02/2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, chuyển nhượng tài sản mã hóa

1. Tổ chức có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP (sau đây gọi là Tổ chức cung cấp dịch vụ), tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt

Nam có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế như sau:

a) Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng

Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Mục 2 – Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế tại Mục II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC.

b) Khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 7 – Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp – Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC.

Tổ chức cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp Việt Nam phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý để nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP. Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp được trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán thuế năm. Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, Tổ chức cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp Việt Nam phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.

c) Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Chương IV, chương VI Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức nước ngoài), cá nhân (bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú) có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của Tổ chức cung cấp dịch vụ

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà tổ chức nước ngoài thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ; khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà cá nhân thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Thời điểm thực hiện khấu trừ, xác định số thuế phải khấu trừ

a) Thời điểm thực hiện khấu trừ: Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài và cá nhân tại thời điểm xác nhận giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thành công.

b) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ 0,1 phần trăm (%) trên doanh thu chuyển nhượng từng lần đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài. Số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ 0,1 phần trăm (%) trên doanh thu chuyển nhượng từng lần đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân.

c) Doanh thu của mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thực hiện theo quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BTC hướng dẫn thực hiện chính sách thuế trên thị trường tài sản mã hóa.

3. Kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ theo tháng.

b) Hồ sơ kê khai số thuế đã khấu trừ gồm:

b.1) Tờ khai khấu trừ thuế đối với tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01/TSMH ban hành kèm theo Thông tư này.

b.2) Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của tổ chức nước ngoài và cá nhân có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 01-1/BK-TSMH ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế theo Mẫu số 01/BKNT-TSMH kèm theo Thông tư này gửi đến cơ quan thuế quản lý sau khi hoàn thành nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

d) Hình thức, thời hạn nộp hồ sơ kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Thời hạn lập, gửi Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế cùng với thời hạn nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp Tổ chức cung cấp dịch vụ là Chi cục Thuế Thương mại điện tử.

Điều 5. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ

1. Thực hiện khấu trừ thuế, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp số thuế đã khấu trừ chính xác, đầy đủ theo thông tin cung cấp của tổ chức nước ngoài và cá nhân theo quy định của pháp luật quản lý thuế; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.

2. Thực hiện quản lý tài khoản của các nhà đầu tư; lưu giữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch, chuyển nhượng tài sản mã hóa phát sinh theo từng giao dịch, thông tin và tài liệu liên quan đến việc xác định số thuế phải khấu trừ, số thuế đã khấu trừ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Cấp chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa theo Mẫu số 01/CTKT-TSMH ban hành kèm theo Thông tư này theo năm bằng phương thức điện tử cho người nộp thuế.

4. Tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống công nghệ thông tin và quản lý dữ liệu giao dịch tài sản mã hóa bảo đảm khả năng trích xuất, có khả năng tổng hợp theo năm và chuyển đổi dữ liệu theo định dạng phù hợp với hệ thống quản lý của cơ quan thuế.

5. Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động chuyên nhượng tài sản mã hóa thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026 (ngày ký) và được thực hiện thí điểm theo thời gian thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Thuế tỉnh, thành phố, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CT (VT, CS (b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU

*(Kèm theo Thông tư số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Mẫu số	Tên mẫu biểu
1	01/TSMH	Tờ khai khấu trừ thuế đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú và tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa
2	01-1/BK-TSMH	Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú và tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa
3	01/BKNT-TSMH	Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa
4	01/CTKT-TSMH	Chứng từ khấu trừ thuế đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú và tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ, CÁ NHÂN
KHÔNG CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ HOẠT ĐỘNG
CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ HÓA**

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:....

I. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

[04] Tên của tổ chức cung cấp dịch vụ:.....

[05] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:

[06] Địa chỉ:

[07] Xã/phường/đặc khu:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Email:.....

[11] Tên đại lý thuế (nếu có):

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

II. Thông tin tổng hợp nghĩa vụ thuế trong kỳ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh
I	Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân		
1	<i>Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân cư trú</i>		
1.1	Tổng số cá nhân có giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa	[14]	
1.2	Tổng doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa	[15]	
1.3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[16]	
2	<i>Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân không cư trú</i>		
2.1	Tổng số cá nhân có giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa	[17]	

2.2	Tổng doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa	[18]	
2.3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[19]	
II	Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài		
1	Tổng số tổ chức nước ngoài có giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa	[20]	
2	Tổng doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa	[21]	
3	Tổng số thuế TNDN đã khấu trừ	[22]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký
điện tử)

Mẫu số: **01-I/BK-TSMH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
.../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI
CÁ NHÂN CƯ TRÚ, CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ
HÓA**

(Kèm theo Tờ khai 01/TSMH)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm.....

[02] Lần đầu: $\square$

[03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên tổ chức cung cấp dịch vụ:.....

[05] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

[illegible]

1																
2																
...																
				Tổng cộng								[23]	[24]		[25]	
II	Cá nhân không cư trú có doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa															
1																
2																
...																
				Tổng cộng								[26]	[27]		[28]	
II	Tổ chức nước ngoài có doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa															
1																
2																
...																
				Tổng cộng								[29]	[30]		[31]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: CCCD: Căn cước công dân; MST: Mã số thuế.
2. Địa chỉ ví tài sản mã hóa (cột 10): Là địa chỉ ví được sử dụng để thực hiện giao dịch tài sản mã hóa phát sinh thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ, theo thông tin quản lý của Tổ chức cung cấp dịch vụ tại thời điểm giao dịch. Trường hợp một người sử dụng dịch vụ có nhiều địa chỉ ví, kê khai địa chỉ ví tương ứng với từng giao dịch.
3. Mã tài sản mã hóa (cột 14): Ghi theo phân loại tài sản mã hóa do Tổ chức cung cấp dịch vụ sử dụng trong hệ thống quản lý giao dịch.
4. Mã token/ Mã hợp đồng (cột 15): Trường hợp tài sản mã hóa không có mã định danh chuẩn, kê khai theo ký hiệu giao dịch do Tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý
5. Giá trị chuyển nhượng tài sản mã hóa (cột 19): Kê khai doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa phát sinh trong tháng theo từng cá nhân, tổ chức nước ngoài..
6. Số thuế đã khấu trừ (cột 21): Kê khai số thuế TNCN, số thuế TNDN đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng cá nhân, tổ chức nước ngoài.
7. Thông tin cá nhân kiểm soát (cột 22): Áp dụng đối với trường hợp người sử dụng dịch vụ là tổ chức nước ngoài. Tổ chức cung cấp dịch vụ kê khai thông tin của cá nhân có quyền kiểm soát thực tế đối với tổ chức sử dụng dịch vụ tài sản mã hóa theo thông tin do tổ chức cung cấp, bao gồm tối thiểu họ và tên, quốc gia cư trú thuế, quốc tịch và thông tin định danh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp tổ chức có từ hai cá nhân kiểm soát trở lên, kê khai thông tin của từng cá nhân kiểm soát.
8. Dữ liệu tại các trường thông tin của Mẫu số 01-1/BK-TSMH phải được tổ chức, lưu trữ dưới dạng điện tử và bảo đảm khả năng trích xuất, kết xuất dữ liệu theo định dạng có cấu trúc (bao gồm định dạng XML hoặc định dạng tương đương) để phục vụ công tác quản lý, đối chiếu và tổng hợp thông tin của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Phụ lục

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP
DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA**

(Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước:
Số, số tham chiếu, ngày .../.../...)

[01] Ngày lập: .../.../...

[02] Lần gửi thứ:....

[03] Tên tổ chức cung cấp dịch vụ:

[04] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:

[05] Địa chỉ:

[06] Xã/phường/đặc khu:..... [07] Tỉnh/Thành phố:.....

[08] Điện thoại:..... [09] Email:.....

[10] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):.....

[11] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu/ Giấy tờ định danh của cá nhân (Trường hợp chưa có MST)	Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức nước ngoài	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục)	Số tiền nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Số tiền nộp thuế của cá nhân cư trú				
1					
2					
...					
	Tổng cộng		[15]	[16]	[17]
II	Số tiền nộp thuế của cá nhân không cư trú				
1					
2					

...					
	Tổng cộng		[18]	[19]	[20]
III	Số tiền nộp thuế của tổ chức nước ngoài				
1					
2					
...					
	Tổng cộng		[21]	[22]	[23]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

....., ngày tháng năm

Họ và tên:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: MST: Mã số thuế; NSNN: Ngân sách nhà nước.
2. Mỗi chứng từ nộp NSNN người nộp thuế lập một Bảng kê chi tiết tương ứng.
2. Tổng số tiền đã nộp NSNN trên cột (6) trên Bảng kê này phải bằng tổng tiền tổ chức cung cấp tài sản mã hóa đã nộp trên chứng từ nộp NSNN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ, CÁ NHÂN
KHÔNG CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ HOẠT ĐỘNG
CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ HÓA**

Năm: ...

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ THUẾ

[01] Tên tổ chức cung cấp dịch vụ:.....

[02] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:

[03] Địa chỉ:

[04] Điện thoại/Email:

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

[05] Tên tài khoản giao dịch tài sản mã hóa :.....

[06] Tên tổ chức nước ngoài/Họ và tên cá nhân:

[07] Mã số thuế:

[08] Quốc tịch:

[09] Quốc gia cư trú:

[10] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ:

[11] Số định danh cá nhân /Hộ chiếu/Giấy tờ định danh của cá nhân (Trường hợp chưa có MST):.....

III. THÔNG TIN SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ

[12] Tổng số giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa:

[13] Tổng giá trị giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa:

[14] Tổng phí giao dịch:

[15] Số thuế TNCN/Số thuế TNDN đã khấu trừ:.....

[16] Giao dịch có yếu tố nước ngoài: Có/Không

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)